TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày: 03 tháng 4 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Phương Trang và bà Lê Huỳnh Ngọc Lý.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Cù Thị Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Néang Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Văn N (tên gọi khác: không), sinh ngày 14 tháng 9 năm 1983, tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Nơi cư trú: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh An Giang, nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ văn hoá (học vấn): 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Đoàn Thị S; sống như vợ chồng với Đỗ Thị Th và 01 con sinh năm 2008; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: ngày 03/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xử phạt 08 tháng tù, ngày 22/5/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù cùng về tội "*Trộm cắp tài sản",* đều chấp hành xong bản án; bị bắt, tạm giam từ ngày 11/12/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Lê Thanh T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Lê Quốc P, sinh năm 1980; địa chỉ: Khóm X1, thị trấn Y1, huyện Z, tỉnh An Giang.

Ông Ngô Văn B, sinh năm 1982; địa chỉ: Khóm X2, thị trấn Y2, huyện Z, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:* Bà Lê Thị B1 và ông Lê Minh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 09/12/2023, khi đi ngang nhà ông Lê Thanh T1, tại ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh An Giang, phát hiện nhà ông T1 khóa cửa, không ai trông giữ, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của ông T1. Bị cáo đi bộ đến nhà T1, lén lút dùng 01 đoạn tầm vong cạy cửa sổ B kim loại, đi vào bên trong nhà ông T1, lấy trộm 01 xe mô tô biển kiểm số 67N1-535.34, nhãn hiệu Honda, loại Future và 01 nón bảo hiểm màu trắng, xám. Sau đó, bị cáo điều khiển xe đến nhà ông Lê Văn B, địa chỉ: khóm Núi Nước, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, nhờ B điều khiển xe cùng đến nhà Lê Quốc P, địa chỉ: khóm An Hòa B, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Tại đây, bị cáo gửi lại chiếc xe đã lấy trộm và đội nón bảo hiểm đã lấy trộm, nhờ B chở về nhà mình tại ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh An Giang. Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, ông T1 đến trình báo Công an xã Lương Phi. Quá trình ghi nhận lời khai, bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình. Ông B và P đều xác định là bạn của bị cáo, không biết xe và nón bảo hiểm là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, P đã tự nguyện giao nộp xe cho Cơ quan điều tra. Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm.

Tang vật thu giữ gồm: 01 xe mô tô, biển kiểm số 67N1-535.34, nhãn hiệu Honda, loại Future Fi, 01 mũ bảo hiểm màu trắng, xám. Đã giao trả cho bị hại; 01 đoạn cây tầm vong đã khô, dài 2,1m, đường kín đầu lớn nhấn 05cm, đường kính đầu nhỏ nhất 04cm; 01 khung kim loại có lớp sơn màu xanh bên ngoài, dài 50cm, rộng 25cm, dày 1,5cm.

Kết quả khám nghiệm hiện trường và bản ảnh đã lưu giữ phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên.

Tại kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐĐG.TTHS ngày 11/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, kết luận: 01 xe mô tô, biển kiểm số 67N1-535.34, nhãn hiệu Honda, loại Future Fi, màu bạc nâu đen, số máy JC90E0065973, số khung 7652LI049679, đã qua sử dụng, có giá trị 25.000.000 đồng và 01 mũ bảo hiểm màu trắng xám, do Công ty TNHH TM-SX Chí Thành V.N sản xuất (đã qua sử dụng) có giá trị 50.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận hành vi, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng có lời khai phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên. Ngoài ra, bị hại xác định đã nhận lại đủ tài sản bị trộm, không có yêu cầu khác.

Cáo trạng số 13/CT-VKSTT-HS ngày 12/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng, đồng ý theo Quyết định truy tố của Viện kiểm sát, thành khẩn khai báo.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt nhưng quá trình điều tra đều có lời khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát công bố luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo phạm tội *Trộm cắp tài sản,* xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy 01 đoạn cây tầm vong đã khô, dài 2,1m, đường kín đầu lớn nhất 05cm, đường kính đầu nhỏ nhất 04cm; 01 khung kim loại có lớp sơn màu xanh bên ngoài, dài 50cm, rộng 25cm, dày 1,5cm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với nội dung luận tội của Kiểm sát viên, không trình bày lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Nên, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại, người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham dự phiên tòa đúng quy định nhưng tại phiên tòa đều vắng mặt. Tuy nhiên, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[3] Về hành vi phạm tội:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng. Ngoài ra, còn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường đã lưu, kết quả định giá tài sản nên đủ cơ sở xác định: Để có tiền tiêu xài, bị cáo có hành vi lén lút vào nhà bị hại T1 trộm cắp 01 xe mô tô, biển kiểm số 67N1 – 535.34, hiệu Honda, loại Fiture Fi và 01 nón bảo hiểm màu trắng, xám với tổng giá trị tài sản là 25.050.000 đồng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành nêu trên nên đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn truy tố bị cáo Phạm Văn N về tội trộm cắp tài sản là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của vụ án:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo có nhân thân xấu, 02 lần đều bị xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản. Đủ để xác định, bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động mà muốn có tiền tiêu xài, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cho thấy bị cáo xem thường pháp luật, không có thái độ ăn năn hối cải.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại đã nhận lại tài sản, bị cáo không biết chữ, là lao động chính trong gia đình nên cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không áp dụng.

[5] Về áp dụng hình phạt:

Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, thể hiện sự xem thường pháp luật, chẳng những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của bị hại, mà còn gây hoang mang trong đời sống nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trị an của địa phương. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để các bị cáo tự nhận thức được sai lầm, giáo dục bị cáo. Bên cạnh đó, còn có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề chăn nuôi nhưng thu nhập không ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung – phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm số 67N1 – 535.34 và 01 nón bảo hiểm màu trắng xám đã xác định chủ sở hữu là ông T1 và đã giao trả ông T1 là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với 01 đoạn cây tầm vong đã khô, dài 2,1m, đường kín đầu lớn nhấn 05cm, đường kính đầu nhỏ nhất 04cm; 01 khung kim loại có lớp sơn màu xanh bên ngoài, dài 50cm, rộng 25cm, dày 1,5cm đều là tài sản của ông T1, được bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, ông ông T1 không yêu cầu nhận lại, không có giá trị sử dụng. Xét, tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại không có yêu cầu về tài sản và bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Qua lời khai của bị cáo, ông B, ông P và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không có cơ sở xác định ông B, ông P biết 01 xe mô tô biển kiểm số 67N1 –

535.34 và 01 nón bảo hiểm màu trắng xám là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên không xem xét trách nhiệm về hành vi của ông B, ông P.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn N phạm tôi "*Trộm cắp tài sản".*

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N: 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11/12/2023 (mười một, tháng mười hai, năm hai không hai ba).

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) đoạn cây tầm vong (đã khô), dài 2,1m, đường kín đầu lớn nhất 05cm, đường kính đầu nhỏ nhất 04cm; 01 (một) khung kim loại có lớp sơn bên ngoài màu xanh, dài 50cm, rộng 25cm, dày 1,5cm. Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 15/3/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tri Tôn với Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Văn N phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo. Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện Tri Tôn (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS huyện Tri Tôn (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đặng Thị Tâm